

Thông tin tuyển sinh Khoa kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế năm 2025

TÊN TRƯỜNG: KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ – ĐẠI HỌC HUẾ

MÃ TRƯỜNG: DHE

Năm 2025, Khoa Kỹ Thuật và Công Nghệ – Đại học Huế (HUET) thực hiện 03 phương thức tuyển sinh cho 06 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy .

I. Điều kiện xét tuyển

1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh hiện hành

2. Xét tuyển dựa vào học bạ THPT

Yêu cầu: Tổng điểm trung bình 4 học kỳ (HK 1 và 2 của lớp 11; HK1 và 2 của lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký ≥ 18 (Không tính điểm ưu tiên)

$ĐXT = \sum \text{Điểm trung bình 4 học kỳ của 3 môn} + ĐƯT$

Trong đó, **ĐXT**: Điểm xét tuyển; **ĐƯT**: Điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành; Điểm trung bình 3 học kỳ các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung mỗi môn học (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) 4 học kỳ (HK 1 và 2 của lớp 11 và lớp 12);

Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo thứ tự ưu tiên ĐXT từ cao xuống thấp và xét đến khi đủ chỉ tiêu.

3. Xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (điểm thi TN THPT) năm 2025

$ĐXT = (\text{Điểm Môn 1} + \text{Điểm Môn 2} + \text{Điểm Môn 3}) + ĐƯT$

Trong đó, **ĐXT**: Điểm xét tuyển; **ĐƯT**: Điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo thứ tự ưu tiên ĐXT từ cao xuống thấp và xét đến khi đủ chỉ tiêu.

4. Xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (điểm thi TN THPT) năm 2025 hoặc kết quả học tập cấp THPT (học bạ) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ

– Điểm chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm 1 môn tương ứng môn ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển (bảng quy đổi tại mục 5)

– Điểm ưu tiên (ĐƯT) theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

– Điểm cộng (ĐC) được quy định tại khoản b mục 5.

– Điểm xét tuyển (ĐXT) được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và tính như sau:

$$\text{ĐXT} = \sum \text{Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển} + \text{ĐC} + \text{ĐƯT}$$

5. Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực năm 2025 của Đại học quốc gia TP.HCM (Điểm ĐGNL).

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	7480112KS	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	A00 A01 D01 C01 X07 X26
2	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (hệ cử nhân và hệ kỹ sư)	A00 A01 D01 C01 C02 X07
3	7520201	Kỹ thuật điện (hệ cử nhân và hệ kỹ sư)	A00 A01 D01 C01 C02 X07
4	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 A01 D01 C02 C02 A04

5	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 A01 D01 C01 X05 X07, A10
6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00 A01 D01 C01 C02 X07

5. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển

STT	Trường sử dụng chứng chỉ để xét tuyển	Chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu	Mức điểm	Điểm quy đổi sang thang điểm 10	Điểm cộng
1	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	VSTEP	Bậc 3	B1	5.5	8.0	1.0
			Bậc 4	B2	6.0 – 6.5	8.5	1.5
					7.0 – 7.5	9.0	2.0
					8.0	9.5	2.5
			Bậc 5	C1	>=8.5	10	3.0

2	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	IELTS	Bậc 3	B1	5.0	8.0	1.0
			Bậc 4	B2	5.5	8.5	1.5
					6.0	9.0	2.0
					6.5	9.5	2.5
			Bậc 5 – Bậc 6	C1 – C2	>=7.0	10	3.0
3	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	TOEFL iBT	Bậc 3	B1	35 – 45	8.0	1.0
			Bậc 4	B2	46 – 59	8.5	1.5
					60 – 78	9.0	2.0
					79 – 93	9.5	2.5
					>=94	10	3.0
4	Khoa Kỹ thuật và	TOEIC (4 kỹ năng)	Bậc 3	B1	Nghe: 275- 399 Đọc: 275-	8.5	2.0

	Công nghệ				384 Nói: 120- 159 Viết: 120- 149		
			Bậc 4	B2	Nghe: 400- 489 Đọc: 385- 454 Nói: 160- 179 Viết: 150- 179	9.0	2.5

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: không áp dụng tiêu chí phụ
- b. Điểm cộng: Điểm thưởng đối với thí sinh có thành tích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ, HS giỏi cấp THPT, HS THPT chuyên,... (theo quy định của Đại học Huế); Thí sinh có thể áp dụng đồng thời nhiều mức điểm cộng tương ứng với các thành tích đạt được tuy nhiên Điểm cộng không vượt 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (3 điểm/ thang 30 điểm); Bảng quy đổi điểm cộng như sau:

STT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú

Các giải thuộc cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			Khoa Kỹ thuật và Công nghệ áp dụng Điểm cộng cho tất cả các ngành
1	– Giải Nhất HSG các môn trong tổ hợp môn xét tuyển và môn Tin học. – Giải Nhất cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	3.0	
2	– Giải Nhì HSG các môn trong tổ hợp môn xét tuyển và môn Tin học. – Giải Nhì cuộc thi Khoa học kỹ thuật	2.5	
3	– Giải Ba HSG các môn trong tổ hợp môn xét tuyển và môn Tin học; – Giải Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	2.0	
4	– Giải Khuyến khích HSG các môn trong tổ hợp môn xét tuyển và môn Tin học; – Giải khuyến khích cuộc Khoa học kỹ thuật.	1.5	
Kết quả học tập cấp trung học phổ thông			
5	Kết quả học tập năm học lớp 11, 12 đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên)	3.0	
6	Học sinh trường THPT chuyên có kết quả học tập năm học lớp 12 đạt mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên)	3.0	

II. Thời gian nhận hồ sơ:

- Xét theo phương thức học bạ: Từ 16/6 đến 15/7/2025
- Xét theo các phương thức khác: Từ 16/7 đến 28/7

III. Các bước đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký qua Hệ thống tuyển sinh của Đại học Huế và Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo

Nếu cần tư vấn thông tin tuyển sinh, Quý phụ huynh và thí sinh có thể liên lạc Khoa Kỹ thuật và Công nghệ theo một trong các kênh thông tin dưới đây:

Facebook: <https://www.facebook.com/et.hueuni>

Số điện thoại: 0234 3845 799